

恭喜同學們通過A2！

(Chúc mừng các em đã vượt qua kỳ thi A2!)

我們即將舉辦一場有趣的校外文化體驗！

(Chúng ta sắp có một buổi trải nghiệm văn hóa ngoại khóa thú vị!)

**目的地 (Điểm đến)：舊振南文化館 - 手作體驗
(Bảo tàng Văn hóa Jiu Zhen Nan - Trải nghiệm làm bánh thủ công)**

**日期 (Ngày)： 6月3日 星期三 下午1點至下午4點
(Thứ TƯ, ngày 3 tháng 6)**

**帶隊老師 (Người dẫn đoàn)：
國際處華語文中心 芯瑜助理**





! **非常重要，請仔細看！** (**Rất quan trọng, vui lòng đọc kỹ!**)

1. **必須出席 (Bắt buộc tham gia)** : 校外參訪視同正式上課。不去教室不代表不用上課喔！當天需要簽到。(Tham quan ngoại khóa được tính là một buổi học chính thức. Không học ở lớp không có nghĩa là được nghỉ học nhé! Hôm đó bắt buộc phải ký tên điểm danh.)
2. **千萬別遲到 (Tuyệt đối không đi muộn)** : 因為我們要一起搭公車，請務必準時！不知道集合地點的同學，請馬上問老師。(Vì chúng ta sẽ đi xe buýt cùng nhau nên vui lòng đến đúng giờ! Nếu không biết điểm tập trung, hãy hỏi giáo viên ngay lập tức.)
3. **記得帶交通卡 (Nhớ mang theo thẻ giao thông)** : 悠遊卡或一卡通。(Thẻ EasyCard hoặc iPASS.)



時間 (Thời gian)	行程 (Hoạt động)	備註 (Ghi chú)
下午1點	行政大樓大廳集合 (Tập trung tại sảnh Tòa nhà Hành chính)	
下午1點10分 - 1點35分	搭乘公車 (Đi xe buýt)	**路線：**輔英圖書館站 → 大寮捷運站 務必攜帶交通卡！ (Bắt buộc mang thẻ giao thông)
下午1點40分	抵達舊振南文化館門口 (Đến cổng Bảo tàng Jiu Zhen Nan)	進行分組，與臺灣同學一起體驗手作！ (Chia nhóm, trải nghiệm làm thủ công cùng sinh viên Đài Loan)

 **大約 15:00 多 活動結束 (Khoảng hơn 15:00 Kết thúc hoạt động)**



結束時，請確認完成以下 4 件事 (4 việc cần làm) :

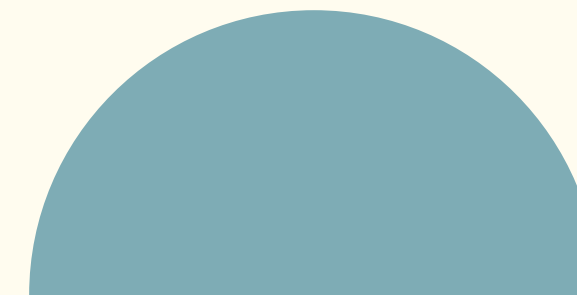
 **確認已簽到 (Xác nhận đã ký tên điểm danh)**

 **領取鬆餅券 (Nhận phiếu đổi bánh waffle)**

 **一起拍大合照 (Chụp ảnh tập thể cùng nhau)**

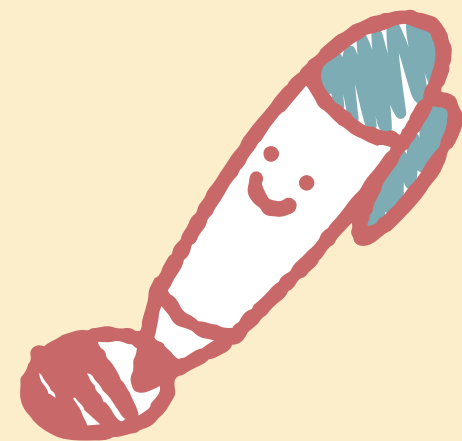
 **確認回程：要原地解散，還是跟老師一起坐公車回學校？ (Xác nhận việc ra về: Tự ra về tại chỗ, hay đi xe buýt về trường cùng giáo viên?)**

 **謝謝大家的參與，希望大家今天收穫滿滿！ (Cảm ơn các em đã tham gia, chúc các em có một ngày học hỏi được nhiều điều bổ ích!)**



分組名單

組別	編號	學號	姓名	編號	班級	姓名
①	1	11350277	陳詠筠	16	國際專修 1	蔡文祿
①	2	11321129	張辰瑜	17		邱氏如賢
①	3	11421138	謝欣雅	18		阮文易
				19		阮黃金泉
②	4	11321135	李宥燁	20	國際專修 1	李蘭芳
②	5	11321156	李玫珊	21		阮氏愛美
②	6	11321115	黃玟瑜	22		黎冰冰
				23		阮氏美川
③	7	11421105	鄭奕辰	24	國際專修 1	阮水竹
③	8	11321191	沈語洳	25		劉玉瑛
③	9	11420416	陳姿華	26		陳泰康
④	10	11420009	謝慧貞	27	國際專修 2	阮氏娥
④	11	11420052	鄭賀云	28		阮氏紅玉
④	12	11420317	鄭郁霖	29		阮氏喙
				30		潘氏草
				31		杜光鹿
⑤	13	11450237	簡敬盟	32	國際專修 2	黃氏燕兒
⑤	14	11440212	林毅欣	33		胡士心
⑤	15	11350790	林珮圻	34		張氏玲兒
				35		杜嘉輝



see